

\*\*\*

Số: 05/TT-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 18 tháng 11 năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

***V/v: Bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty***

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

Xuất phát từ nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động, nhằm khai thác tối đa mọi cơ hội kinh doanh, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua các nội dung sau:

**1. Bổ sung các ngành, nghề sau đây vào danh sách ngành, nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải (“Công ty”) như sau:**

<b>STT</b>	<b>Tên ngành nghề kinh doanh</b>	<b>Mã ngành nghề</b>
1.	Xây xát và sản xuất bột thô (Nhà máy xay xát, đánh bóng gạo các loại xuất khẩu và nội địa)	1061
2.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
3.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
4.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
5.	Bán buôn thực phẩm	4632
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
8.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
9.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
12.	Xây dựng nhà ở	4101
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
19.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
20.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
21.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở).	2392
22.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở).	2394
23.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở).	2395
24.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất khung kim loại công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).	2511
25.	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở).	0111
26.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở).	0112
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (không hoạt động tại trụ sở).	0118
28.	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở).	0119
29.	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở).	0121
30.	Trồng cây điều (không hoạt động tại trụ sở).	0123
31.	Trồng cây hồ tiêu (không hoạt động tại trụ sở).	0124
32.	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở).	0125
33.	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở).	0126
34.	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở).	0127
35.	Trồng cây lâu năm khác (không hoạt động tại trụ sở).	0129
36.	Trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở).	0210
37.	Khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	0220

38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở).	0810
39.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
40.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
41.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	1622
42.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở).	1629
43.	In ấn (không in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan, in tráng bao bì kim loại tại trụ sở).	1811
44.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
45.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
46.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
47.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ điện thoại cố định, điện thoại di động, máy fax, thiết bị viễn thông khác.	4741
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh.	4759
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
50.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
51.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
52.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
53.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet.	6329
54.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
55.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
56.	Thu gom rác thải độc hại	3812
57.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821

58.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
59.	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)	3830
60.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở)	3900
61.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4321
62.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
63.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn và không có cồn	4633
64.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
65.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
67.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
68.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
69.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục.	8560
70.	Sửa chữa thiết bị liên lạc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	9512
71.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
72.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Tư vấn Bất động sản (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)	6820
73.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	7020 <b>(Chính)</b>
74.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.	7110
75.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (trừ y khoa).	7120
76.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
77.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
78.	Đại lý du lịch	7911
79.	Điều hành tua du lịch	7912
80.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
82.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
83.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
84.	Xây dựng nhà không để ở	4102
85.	Xây dựng công trình điện	4221
86.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
87.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
88.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
89.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

## 2. Triển khai thực hiện

- Về thời điểm quyết định thay đổi đăng ký kinh doanh để bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ giao cho Chủ tịch HĐQT ban hành quyết định thay đổi toàn bộ hoặc từng nhóm mã ngành vào thời điểm phù hợp nhưng không muộn hơn 12 tháng, kể từ ngày tờ trình này được thông qua.
- HĐQT trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT cập nhật sửa đổi Điều lệ và giao Người đại diện theo pháp luật tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý tại Cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng ký các thay đổi trên theo quy định pháp luật.

Trong phạm vi ngành, nghề kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành, nghề theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc theo yêu cầu của pháp luật mà không cần thông qua ĐHĐCĐ. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**PHẠM DUY**